**Bài 5**

**NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG KỊCH**

**ĐỌC**

**TRI THỨC NGỮ VĂN**

**1. Bi kịch**

 Là một thể loại kịch. Thông qua sự dàn cảnh, luân chuyển lời đối thoại, độc thoại, hành động của nhân vật trên sân khấu, bi kịch tập trung diễn tả những xung đột hệ trọng, đạt tới mức căng thẳng tột độ giữa những mong muốn, hành động cao đẹp, hào hùng của con người với những tình thế bi đát không thể đảo ngược của thực tại hay với những trở ngại tồn tại ngay trong bản tính con người. Việc thắt nút, triển khai và giải quyết những xung đột như vậy làm nên cốt truyện bi kịch. Bi kịch thường kết thúc bằng thảm cảnh hay bằng cái chết của một loạt nhân vật. Trong bi kịch, việc cái đẹp, cái hùng bị thất bại đã đưa đến nỗi đau khổ cùng cực. Song chính từ đó, bi kịch trở thành tiếng nói khẳng định sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người trong cuộc đấu tranh chống lại những tình thế bi đát của thực tại và những yếu hèn của cá nhân con người.

**2. Nhân vật và xung đột trong kịch**

 ***a. Nhân vật chính trong bi kịch*** mang khát vọng cao đẹp, có tính cách mạnh mẽ, có khả năng lựa chọn hành động tự do xuất phát từ chính kiến, đức tin của mình, song lựa chọn này xung đột với hoàn cảnh thực tế hoặc gặp phải những trở ngại ngay trong bản tính cố hữu. Do vậy, nhân vật chính trong bi kịch thường phải trải qua những trạng thái giằng xé, bế tắc, rơi vào những tình huống hết sức nặng nề và có kết thúc bi thảm. Tương ứng với sự phức tạp của nhân vật, lời thoại trong bi kịch thường căng thẳng, chất chứa biện luận, thể hiện suy tư, trăn trở và ý chí của những nhân cách mạnh mẽ, không khuất phục.

***b. Xung đột trong bi kịch***: là những mâu thuẫn gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật như một nhân cách mạnh mẽ với cái tất yếu vốn được thể hiện qua những thế lực như định mệnh, bản tính tự nhiên, định kiến thời đại, thực tại xã hội,…

***c. Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch:***

 Khi theo dõi hành động kịch căng thẳng, gay gắt, kết cục bi thảm, người tiếp nhận bi kịch có thể sợ hãi, kinh hoàng, thương cảm, xót xa như chính mình đang trải nghiệm những bế tắc trong cuộc sống cùng nhân vật, để rồi sau đó thấy căm ghét cái đê tiện, giả dối, ngưỡng mộ, cảm phục cái cao cả, tâm hồn như được thanh lọc, trở nên hài hòa, thăng bằng hơn. Nhà triết học Hy Lạp cổ đại A – rít –xtot (Aristotle) gọi đó là hiệu ứng thanh lọc của bi kịch.

**Văn bản 1**

**SỐNG, HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ**

(Trích Hăm – lét – Hamlet)

 Uy – li – am Sếch – xpia (William Shakespeare)

**I. VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ VÀ VĂN BẢN**

 ***1. Tác giả:***

- Uy – li – am Sếch – xpia (1564 – 1616), nhà soạn kịch, nhà thơ nổi tiếng nhất nước Anh thời Phục Hưng

- Khoảng 1585, lên Luân Đôn kiếm sống, giúp việc, là người có tài năng nghệ thuật khổ luyện trở thành diễn viên, nhà soạn kịch kiêm đạo diễn, sở hữu đoàn kịch. Năm 1559, tham gia dựng nên Nhà hát Địa Cầu.

- Sáng tác gồm 37 vở kịch, 4 trường ca và 154 bài thơ xon – nê (sonnet).

- Kịch của Sếch – xpia gồm nhiều thể loại:

 + Kịch lịch sử

 + Hài kịch

 + Bi kịch

 + Bi hài kịch

-Nổi bật là bi kịch:

 + Chứa đựng những suy ngẫm mang tính nhân văn sâu sắc, thể hiện qua hình tượng nhân vật phóng khoáng, tự do, có cá tính mạnh mẽ.

 + Lời thoại sắc sảo, tinh tế.

 + Nghệ thuật triển khai, đan xen các tuyến xung đột, các tuyến hành động, mang tính dồn nén, tập trung.

 **2. Vở kịch Hăm – lét**

 ***a. Thời gian sáng tác:***

- Được viết khoảng 1599 – 1601(SGK/131)

 ***b.Tóm tắt bi kịch Hăm –lét***: SGK/126

 ***c. Bố cục đoạn trích***: 2 phần

**- Phần1**: Âm mưu do thám – Thời đại “đảo điên” gồm:

 ***+ Lớp kịch 1*** (Vua, hoàng hậu dò xét về tình trạng của Hăm – lét giả điên qua Pô – lô – ni – út, Rô – đen – cran và Ghin – dơn –xton; Sau cuộc trò chuyện Rô – đen – cran và Ghin – dơn –xton rời sân khấu)

 ***+ Lớp kịch 2***: Vua nói cho hoàng hậu biết âm mưu do thám tình hình Hăm – lét qua việc bố trí nghe trộm cuộc gặp gỡ của chàng với Ô – phê – li –a, hoàng hậu dặn dò Ô –phê-li-a rồi rời sân khấu, nàng vâng mệnh)

 ***+ Lớp kịch 3***: \_Pô-lô-ni-út dặn dò Ô-phê-li-a cách thức đi đứng, chờ Hăm –lét tới sao cho tự nhiên, nàng không đáp, lặng lẽ theo sự chỉ định của cha. Nghe những lời dàn dựng âm mưu gian trá của cận thần, vua động lòng thú nhận sự giả trá của mình và than về gánh nặng của tội ác.)

**-Phần 2** Sống, hay không sống – Suy tưởng và hành động

 ***+ Lớp kịch 4*** (Ô-phê-li-a vẫn đi đi lại lại ở một chỗ khuất trên sân khấu, Hăm – lét ra sân khấu độc thoại, lúc đầu không trông thấy nàng, Vua và Pô-lô-ni-út nấp, rình nghe trộm. Cuối lời độc thoại, Hăm –lét trông thấy Ô-phê-li-a, tự nhũ cầm lòng rồi nói những lời tàn nhẫn về nhân tình thế thái với nàng).

***d. Xuất xứ đoạn trích***: trích cảnh 1, hồi III của bi kịch Hăm –lét.

**II. ĐỌC – HIỂU CHI TIẾT**

 **1. Bi kịch Hăm – lét**

 ***a. Bối cảnh***:

- Xã hội bao quanh đều bị kiểm soát, mọi người đang theo dõi Hăm – lét, tất cả đều chú ý hành động của chàng.

- Họ dò xét xem chàng có bị điên hay giả vờ điên.

🡪 Không khí căng thẳng, ngột ngạt.

 ***b. Bi kịch của Hăm – lét***

***- Sự xung đột với cả thời đại***

 + Hăm – lét mang trong mình trái tim bị tổn thương, tâm hồn nguội lạnh với trách nhiệm lớn lao phải đem cái tốt, cái đẹp cùng những âm mưu đen tối ra ngoài ánh sáng.

 + Khát vọng mãnh liệt muốn vượt qua bể khổ, tìm kiếm cuộc sống công lí.

***-Sự xung đột tư tưởng “sống” và “không sống”:***

 + Sống chấp nhận, chịu đựng tất cả sự khổ đau, bất hạnh mà người khác đem lại, “*chịu đựng tất cả những viên đá những mũi tên của số phận phũ phàng”.*

 + Sống đấu tranh giải quyết mâu thuẫn kéo theo bao đau khổ cho người khác “*hay là cầm vũ khí vùng lên mà chống lại với sóng gió của biển khổ, chống lại để mà diệt chúng đi*”.

🡪 Đó là xung đột báo thù hay không.

***-Sự xung đột trong nội tâm***

 + Nhân thức được sự do dự của bản thân.

 + Từ tấm lòng cao thượng và đầy nhân nghĩa của chính Hăm – lét.

 + Băn khoăn, do dự không biết bản thân nên tiếp tục nhẫn nhịn đổi lại mọi người vẫn “hạnh phúc” hay đấu tranh diệt trừ cái ác, đẫm trong máu tanh thù hận.

🡪 Sự giằng xé là nghe con tim lí trí, lựa chọn trách nhiệm của bản thân và tiếp tục gánh vác hay buông xuôi, bỏ mặc tất cả.

***-Sự xung đột giữa đức hạnh và nhan sắc***

 + Biểu hiện qua lời đối thoại giữa Ô-phê-li-a thể hiện qua 2 câu hỏi:

 • “Cô em có phải là người đức hạnh không?”

 • “Cô em có phải là người nhan sắc không?”

🡪Một sự ngờ vực, bi kịch nội tâm của Hăm –lét

+ Ô-phê-li-a của hiện tại cũng đang dò la về thái độ của Hăm-lét cho nhà vua và hoàng hậu.

🢥 Hăm –lét ý thức được trong thời đại đảo điên, cái gọi là nhan sắc và đức hạnh của người phụ nữ cũng dần dần biến mất. Họ mang theo những toan tính, mưu mô riêng dẫn đến 2 khái niệm ấy hoen ố.

🡺 Tâm trạng của Hăm-lét hỗn loạn. Chàng không biết mình nên đưa ra lựa chọn nào mới là tốt nhất.

+ Đặt ra lời mở đầu cho màn độc thoại bằng một câu hỏi tu từ.

 + Định nghĩa khái niệm về cái chết và những suy ngẫm về cuộc đời của Hăm-lét.

 + Lời kết thể hiện rõ nội tâm đang giằng xé, đấu tranh kịch liệt của Hăm-lét trong hoàn cảnh éo le của mình.

**2. Ý nghĩa và bài học của đoạn trích.**

 ***a. Ý nghĩa:***

-Hăm – lét là một trong những bi kịch nổi tiếng nhất của lịch sử sân khấu thế giới. Trong hình thức nghệ thuật kịch, tác phẩm phản ánh được tinh thần của thời đại với sự khủng hoảng, bế tắc của lý tưởng nhân văn chủ nghĩa.

-Trong sự bát nháo của một xã hội với *“nhà tù”, “sự bẩn thỉu”, “phải hàng vạn người mới nhặt ra được một kẻ lương thiện”*, vẫn lóe sáng những hạt vàng của chủ nghĩa nhân văn.

Hăm-lét không chỉ quan tâm đến nghĩa vụ trả thù và ngai vàng mà hơn hết là phẩm giá và lối sống của con người.

-Thực tế xh xấu xa mâu thuẫn với lý tưởng của Hăm –lét, khiến Hăm – lét phải đánh giá lại và tìm một thái độ cư xử tốt. Nó đã gây ra cho Hăm-lét sự bi quan, hoài nghi, đau đớn, trăn trở “*tồn tại hay không tồn tại*” (to be or not to be), “*chịu đựng hay vùng lên chống lại*”

-Cuối cùng, Hăm-lét tìm được chân lí đấu tranh vì đơn độc và thiếu cảnh giác nên chàng đã gục ngã vì cạm bẫy của kẻ thù.

***b. Bài học:***

-Ngày nay, trong văn học thế giới vẫn tồn tại khái niệm “bệnh Hăm-lét” chỉ thái độ suy tư, lý luận nhiều nhưng không đủ tin tưởng và dũng khí để hành động. Nhưng Hăm – lét vẫn sống mãi trong lòng độc giả thế giới, với bi kịch cuộc đời Hăm-lét phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái đẹp và cái xấu trong xh.

**III. TỔNG KẾT**

-Đoạn trích là màn kịch nổi tiếng nhất trong Hăm –lét. Nó không chỉ góp phần khơi sâu tư tưởng chủ đề của vở kịch mà còn gợi nhiều suy ngẫm về bản tính con người, về “những nỗi vướng mắc tâm tư” và trăn trở muôn đời của con người trong cuộc sống. Đoạn độc thoại của Hăm – lét đã khơi nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật đời sau.

**Văn bản 2**

**VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI**

 (Trích Vũ Như Tô) Nguyễn Huy Tưởng

**I. TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ - TÁC PHẨM**

 ***1. Tác giả***

- Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960), quê ở Bắc Ninh.

- Ông là nhà văn, nhà viết kịch chuyên khai thác đề tài lịch sử.

- Tác phẩm tiêu biểu: *Đêm hội Long Trì* (tiểu thuyết lịch sử, 1942), *Vũ Như Tô* (kịch lịch sử, 1943), *An Tư* (tiểu thuyết lịch sử, 1944), *Cột đồng Mã viện* (kịch lịch sử, 1944), *Bắc Sơn* (kịch lịch sử, 1945)

 ***2. Vở kịch Vũ Như Tô***

 ***a. Thể loại:***

- Bi kịch lịch sử.

- Đặc điểm kịch: xung đột kịch, nhân vật kịch (hành động, ngôn ngữ kịch)

 ***b. Hoàn cảnh sáng tác***

- Kịch Vũ Như Tô được sáng tác từ sự kiện lịch sử có thật xảy ra ở Thăng Long vào đầu thế kỉ XVI, dưới triều Lê Tương Dực.

 ***c. Vị trí đoạn trích***

 Vở kịch gồm 5 hồi, đoạn trích nằm trong hồi thứ V, hồi cuối của vở kịch.

 ***d. Tóm tắt tác phẩm***: (SGK/141)

 ***e. Bố cục đoạn trích***: chia 2 phần

- ***Phần 1***(*từ lớp I – lớp VI*) Cuộc trò chuyện giữa vũ Như Tô với Đan Thiềm, cung nữ và nội giám, vũ Như Tô bàng hoàng nhận ra bi kịch đang cận kề.

***- Phần 2*** (từ lớpVII đến lớp IX): Quân phản loạn đốt Cửu Trùng Đài và kết án Vũ Như Tô.

**II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**

 ***1. Xung đột kịch***

 ❖ ***Mâu thuẫn 1:***

-Giai cấp thống trị (vua Lê Tương Dực ăn chơi, hưởng lạc) >< Nhân dân lao động (nghèo khổ, lầm than)

*+ Nguyên nhân:*

 • Do xây Cửu Trùng Đài là đỉnh điểm gây nên mâu thuẫn

 *+ Diễn biến:*

• Để xây Cửu Trùng Đài phải tăng sưu thuế, bắt thợ giỏi, tróc nã những người chống đối,…

• Xây Cửu Trùng Đài để làm nơi hưởng lạc, vui chơi với các cung nữ.

 + Hậu quả:

• Dân đói kém nổi lên, thợ đình công nổi loạn.

• Lê Tương Dực bị giết, Nguyễn Vũ tự sát, hoàng hậu nhảy vào lửa, cung nữ bị bắt,…

• Cửu Trùng Đài bị đốt.

🡢 *Thông điệp*: Trong cuộc sống phải có sự thấu cảm. Cái đẹp (mĩ) chỉ có thể tồn tại và phát triển trên cơ sở của cái chân, cái thiện.

**❖ Mâu thuẫn 2:** Xung đột giữa quan niệm nghệ thuật cao siêu >< lợi ích trực tiếp, thiết thực của nhân dân.

 *+ Nguyên nhân:*

 . Vũ Như Tô – nghệ sĩ thuần túy (mượn uy quyền, tiền bạc của hôn quân để thực hiện hoài bão)

 . Đời sống lầm than của nhân dân.

🡪 Bi kịch của người nghệ sĩ có tài, Cửu Trùng Đài bị đốt, Vũ Như Tô đau đớn, tuyệt vọng.

🡪 ***Thông điệp***: Tài năng, khát vọng của người nghệ sĩ thật đáng trân trọng, song cái tài, cái đẹp phải gắn liền với lợi ích của nhân dân. Nghệ sĩ chân chính phải hướng đến cái chân, thiện, mĩ từ cuộc sống của con người.

***2. Nhân vật Vũ như Tô***

***- Là một kiến trúc sư thiên tài***

 + Qua lời kể: “*ngàn năm chưa dễ có một”, “chỉ vẩy bút là chim, hoa đã hiên lên trên mảnh lụa thần tình biến hóa như cảnh hóa công, có thể sai khiến gạch đá như viên tướng cầm quân, có thể xây dựng lâu đài cao cả, nóc vờn mây mà không hề tính sai một viên gạch nhỏ*”.

🡪 Hiện thân cho sự khao khát, say mê cái đẹp.

***-Tính cách:***

 + Không khuất phục trước uy quyền, lúc đầu ông không chịu nhận xây lâu đài cho Lê Tương Dực.

 + Khao khát suốt đời là xây được 1 tòa lâu đài nguy nga, tráng lệ, bền vững muôn đời để dân ta nghìn thu hảnh diện.

 + Chia hết tiền vàng vua thưởng cho thợ.

🡪 Nhân cách cao cả, hoài bão lớn lao, là nghệ sĩ chân chính, gắn bó với nhân dân.

***-Lý tưởng:***

 + Nghe theo lời khuyên của Đan Thiềm, lợi dụng tiền bạc của Lê Tương Dực để xây Cửu Trùng Đài.

 + VNT không nhận ra thực tế: Cửu Trùng Đài xây bằng mồ hôi, nước mắt, xương máu của nhân dân.

 + Luôn tin vào việc làm chính đại quang minh của mình và hi vọng sẽ thuyết phục được An Hòa Hầu, không có tội mà chỉ có công.

🡪 Khát vọng, đam mê sáng tạo nghệ thuật nhưng đặt nhầm chỗ, nhầm thời. VNT có lý tưởng cao đẹp, chân chính nhưng xa rời đời sống nhân dân nên thất bại và trả giá bằng chính sinh mạng của mình.

🢥Qua tác phẩm, t/g đặt ra vấn đề về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống, giữa khát vọng nghệ thuật muôn đời với lợi ích của nhân dân.

**3. Nhân vật Đan Thiềm**

-Là một cung nữ biết trân trọng, đam mê cái tài, cái đẹp.

- Với VNT, Đan Thiềm là tri âm, tri kỉ, luôn động viên, khuyến khích, giúp đỡ VNT xây và bảo vệ Cửu Trùng Đài.

- Đan Thiềm luôn tỉnh táo, bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh, biết xây Cửu Trùng Đài không thành, bà tìm cách bảo vệ an toàn tính mạng cho VNT, khuyên ông bỏ trốn.

- Đan Thiềm sẵn sàng đổi mạng sống của mình để cứu VNT, bà đau đớn khi không cứu được VNT.

- “Bệnh Đan Thiềm”: bệnh mê đắm cái đẹp, cái tài, thuyết phục VNT mượn tay Lê Tương Dực để thực hiện hoài bão xây CTĐ

🡪 Sống chết hết mình vì cái tài, cái đẹp

**4. Nghệ thuật**

- Ngôn ngữ tập trung phát triển lên cao, hành động dồn dập, đầy kịch tính.

- Tính cách, tâm trạng nhân vật bộc lộ rõ qua ngôn ngữ, hành động.

- Các lớp kịch được chuyển tự nhiên, linh hoạt, liền mạch.

**III. TỔNG KẾT**

 Đoạn trích Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài đặt ra vấn đề có ý nghĩa to lớn về cái đẹp, mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống. Đồng thời, tác giả cảm thông, trân trọng đối với người nghệ sĩ tài năng, đầy khát vọng nhưng lại rơi vào bi kịch.

**VIẾT**

**VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI**

**I. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

 ***1. Câu 1***

- Đề tài của báo cáo nghiên cứu trên là nghiên cứu về kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên.

- Tác giả đã tiếp cận đề tài từ góc độ công năng đến kiểu dáng của nó.

 ***2. Câu 2***

- Những luận điểm chính được tác giả sử dụng:

 + Công năng của kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên.

 + Nguồn gốc tên gọi

 + Hình dáng con rồng của kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên.

 + Nguồn gốc và công dụng của Long bệ thạch, ứng dụng của nó vào Việt Nam.

 ***3. Câu 3***

- Các thông tin tác giả cung cấp trong bài viết đến từ Luận án tiến sĩ của thầy Nguyễn Quang Hà, từ tạp chí Văn hóa học, NXBVa8n hóa – thông tin, Hà Nội.

🡪 Thông tin được lấy từ những nguồn tin cậy, mang tính nghiên cứu khoa học và có bằng chứng xác thực, khoa học nên bài viết có độ tin cậy cao

 ***4. Câu 4***

- Tài liệu tham khảo gồm kiến thức về quy mô, cấu trúc Hoàng thành Thăng Long thời Lý – Trần – Lê, tâm thức văn hóa rồng của người việt và người Hán về Hoàng thành Thăng Long.

- Tất cả được sắp xếp theo một trật tự hợp lý, phù hợp với mạch dẫn dắt của báo cáo, giúp người đọc dễ dàng hiểu vấn đề đang được báo cáo.

**II. Chuẩn bị viết**

 ***1. Lựa chọn đề tài***

- Đề tài của báo cáo kết quả nghiên cứu có thể là một vấn đề xã hội như sự kiện văn hóa – lịch sử, một vấn đề khoa học – nghệ thuật, một hiện tượng tâm lí, có thể là một vấn đề tự nhiên như môi trường, khí hậu, tài nguyên,…

- Chọn theo đề tài gợi ý từ SGK Kinh thành Thăng Long thời hậu Lê (sau khi đọc Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài).

 ***2. Thu thập, phân tích và đánh giá thông tin***

- Tìm thông tin khác nhau, phù hợp với những chủ đề khác nhau.

 + Từ điển bách khoa có thể cung cấp một cái nhìn tổng quan về vấn đề.

 + Tài liệu chuyên môn cho biết những thông tin chi tiết, cụ thể.

 + Các bản ghi chép như bài phỏng vấn, diễn văn giúp hiểu hơn về chủ đề lịch sử, văn chương, khoa học.

 + Báo và tạp chí cung cấp những tin tức, sự kiện,…

 + Ảnh chụp, Video, bản ghi âm, tư liệu về hiện vật được trưng bày trong bảo tàng.

-Trước khi tìm kiếm thông tin, hãy cân nhắc nguồn tư liệu nào có ý nghĩa nhất đối với nghiên cứu của bạn.

- Phân loại

 + Xét về nguồn gốc, chia tài liệu thành 2 loại: tài liệu gốc và tài liệu phái sinh.

-Lưu trữ: tài liệu sau khi thu thập một cách hệ thống, khoa học (tóm tắt, trích dẫn)

**III. Xây dựng đề cương**

*-Cần tập hợp các thông tin thu thập được thành các ý, xoay quanh những câu hỏi:*

 + Vấn đề được chọn nghiên cứu có thể triển khai như thế nào?

 + Những khía cạnh nào của vấn đề cần được tập trung tìm hiểu, khám phá?

 + Vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa gì?

-*Đề cương nghiên cứu cần những nội dung sau:*

 + *Đặt vấn đề*: nêu rõ đề tài, vấn đề nghiên cứu

 + *Giải quyết vấn đề*: trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng.

 *+ Kết luận*: khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới.

 + *Tài liệu tham khảo*: ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố.

**IV. Viết**

-Triển khai mỗi luận điểm thành một đoạn văn (câu chủ đề đặt ở đầu hoặc cuối đoạn văn)

- Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, sử dụng số liệu, thông tin khách quan, ghi nguồn đúng cách khi trích dẫn văn bản.

- Sử dụng từ ngữ liên kết để bài viết mạch lạc, logic.

- Sắp xếp tài liệu tham khảo

- Có thể chọn đưa vào báo cáo nghiên cứu một sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh.

**V. Chỉnh sửa và hoàn thiện**

- Tự rà soát lại bài nghiên cứu của mình theo các tiêu chí sau:

 + Bố cục phù hợp với một báo cáo nghiên cứu, gồm các vấn đề: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận, tài liệu tham khảo.

 + Các thông tin tham khảo có nguồn góc rõ ràng, đáng tin cậy.

 + Các luận điểm, bằng chứng rõ ràng, chặt chẽ.

 + Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

(Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ)

**1. Chuẩn bị nói**

***- Tìm hiểu về người nghe và bối cảnh giao tiếp.***

 + Trước khi trình bày báo cáo, cần tự đặt câu hỏi: người nghe đã biết thông tin gì, chưa hiểu điều gì, từ đó lựa chọn nội dung và hình thức trình bày phù hợp.

 + Bối cảnh giao tiếp cần xác định ở đâu, đối tượng,…

***-Xác định mục đích giao tiếp:***

 + Chia sẻ ý tưởng sáng tạo, thu hút và kêu gọi tham gia một dự án mới.

 + Thông báo về những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện một đề tài nghiên cứu.

 + Tùy vào mục đích giao tiếp mà người nói lựa chọn và sử dụng các chiến lược giao tiếp khác nhau.

***-Xác định nội dung chính cần trình bày***

 + Đề tài nghiên cứu

 + Lí do chọn đề tài

 + Kết luận nghiên cứu

 + Tính mới của đề tài

-Xác định các hình thức, phương tiện trình bày phù hợp

 *+ Tối giản*

 ✓ Tập trung một vài phương tiện chính để làm nổi bật những thông tin quan trọng nhất trong bài trình bày.

✓ Khai thác một cách tối đa giá trị biểu đạt của những phương tiện này.

✓ Hạn chế những hình ảnh, kí hiệu mang tính hình thức

*+ Trực quan hóa*

 ✓ Lựa chọn hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu,…góp phần cụ thể hóa thông tin, phù hợp với nhận thức người nghe.

*+ Ấn tượng*

✓ Các phương tiện phi ngôn ngữ cần tác động mạnh đến cảm giác, cảm xúc và thu hút chú ý của người nghe.

**2. Thực hành nói (thuyết trình)**

- Bài thuyết trình báo cáo kết quả nghiên cứu thường có những nội dung chính sau:

 ***a. Mở bài:***

Nêu tên, lí do chọn vấn đề nghiên cứu, các kết luận chính của báo cáo kết quả nghiên cứu.

 ***b. Triển khai***

Tóm tắt các luận điểm chính, lựa chọn một hoặc một vài phương tiện phi ngôn ngữ để minh họa, nhấn mạnh thông tin chính, thu hút sự chú ý của khán giả.

 ***c. Kết luận***

Khái quát những kết quả nghiên cứu chính, gợi mở các hướng đi mới của đề tài, thể hiện thái độ sẵn sàng đối thoại chân thành, cởi mở

**3. Trao đổi, đánh giá** (SKG/150, 151)